



DI CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

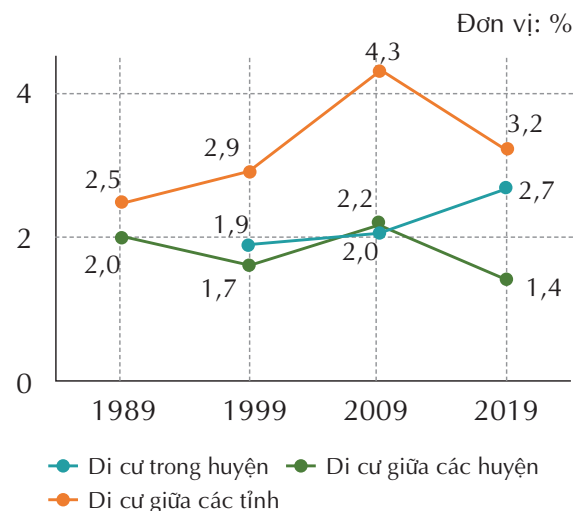
Bản tóm tắt này cung cấp một số phát hiện chính về di cư nội địa ở Việt Nam dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Bản tóm tắt cũng bao gồm một số khuyến nghị chính sách nhằm tận dụng lợi thế của di cư cho phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam cũng như đảm bảo các quyền của người di cư trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở nơi đến.

MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH

1 Cả nước có 6,4 triệu người từ 5 tuổi trở lên là người di cư, chiếm 7,3% tổng dân số

Mặc dù dân số liên tục tăng nhưng di cư đang có dấu hiệu giảm cả về số lượng và tỷ lệ. Cả ba loại hình gồm di cư trong huyện, di cư giữa các huyện và di cư giữa các tỉnh đều ghi nhận xu hướng tăng trong giai đoạn 1989-2009 nhưng đến năm 2019, di cư giữa các huyện và giữa các tỉnh giảm cả về số lượng và tỷ lệ, riêng di cư trong huyện vẫn giữ xu hướng tăng. Có thể thấy, trong bối cảnh di cư đang thu hẹp, người di cư cũng có xu hướng lựa chọn điểm đến trong phạm vi gần và quen thuộc của họ.

Hình 1: Tỷ lệ người di cư chia theo loại hình di cư, 1989-2019

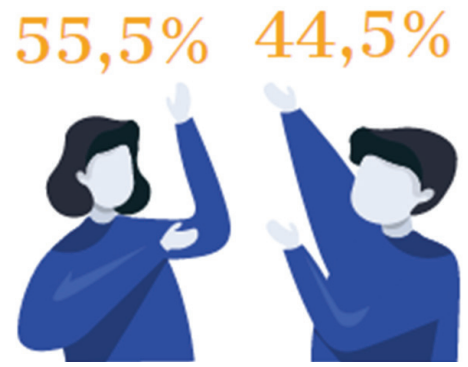


2 Tây Nguyên chuyển từ vùng nhập cư thành vùng xuất cư; Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng nhập cư lớn nhất

Trong các cuộc Tổng điều tra năm 1999 và 2009, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ luôn được biết đến là hai vùng nhập cư. Tuy nhiên, đến nay Tây Nguyên đã chuyển thành vùng xuất cư; Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng nhập cư lớn nhất cả nước. Đông Nam Bộ tiếp tục là điểm đến thu hút nhất đối với người di cư với 1,3 triệu người nhập cư. Có 12/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi nhận tỷ suất di cư thuần dương. Bình Dương là tỉnh có tỷ suất di cư thuần dương cao nhất (200,4%) trong khi Sóc Trăng là tỉnh có tỷ suất di cư thuần âm cao nhất (-75,0%).

3 Nữ giới chiếm đa số trong tổng dân số di cư

Nữ giới vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới trong tổng dân số di cư nhưng sự khác biệt này đang dần được thu hẹp. Nếu như tỷ lệ nữ di cư tăng dần trong giai đoạn 1999-2009 thì đến năm 2019, tỷ lệ này đã có xu hướng giảm trong khi tỷ lệ nam di cư tăng. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, trong tổng dân số di cư, nữ giới chiếm 55,5% và nam giới chiếm 44,5%.

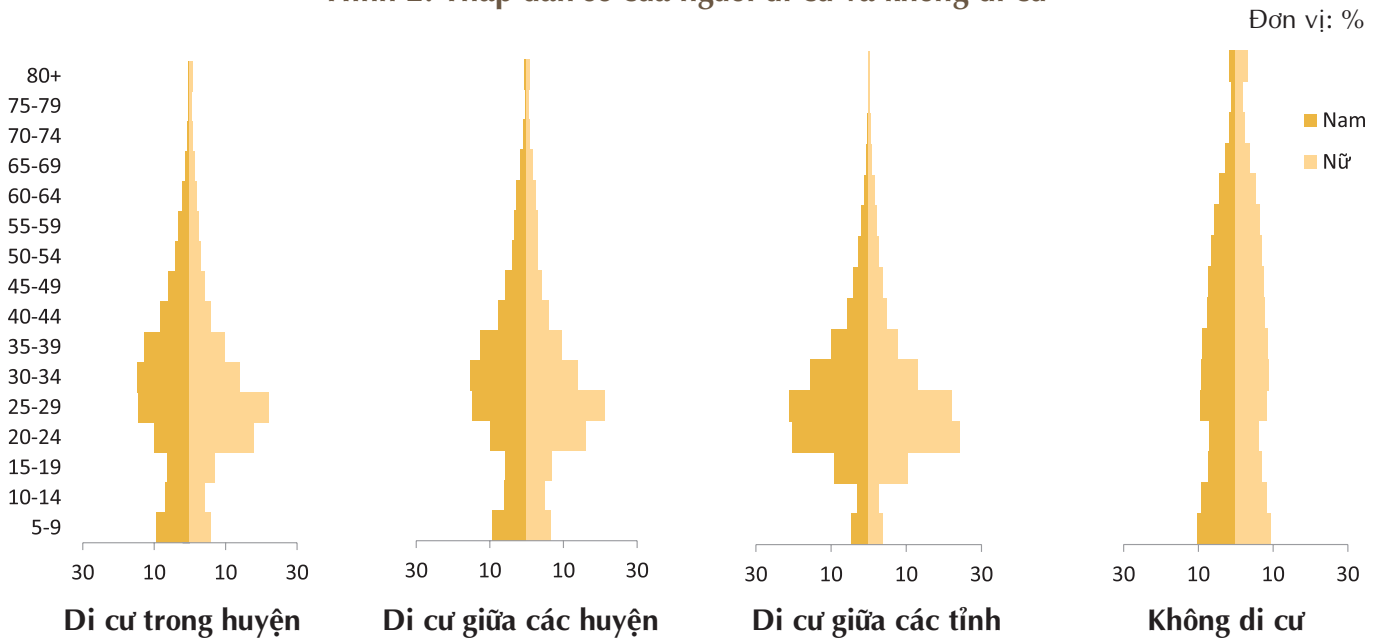


Phần lớn người di cư tập trung ở nhóm tuổi trẻ

Có 61,8% người di cư thuộc nhóm tuổi trẻ (20-39 tuổi). Tỷ lệ này gần gấp đôi tỷ lệ người không di cư cùng nhóm tuổi (33,2%). Tuổi trung vị của người di cư là 28 tuổi, tức một nửa dân số di cư có độ tuổi dưới 28 trong khi tuổi trung vị của người không di cư là 31 tuổi. So với năm 2009, tuổi trung vị của cả người di cư và không di cư đã tăng lên.

4

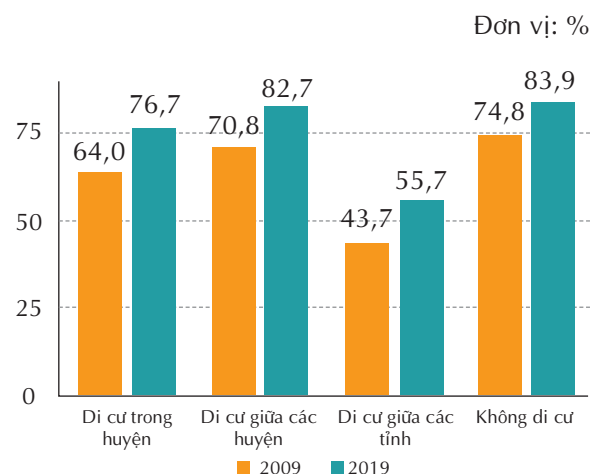
Hình 2: Tháp dân số của người di cư và không di cư



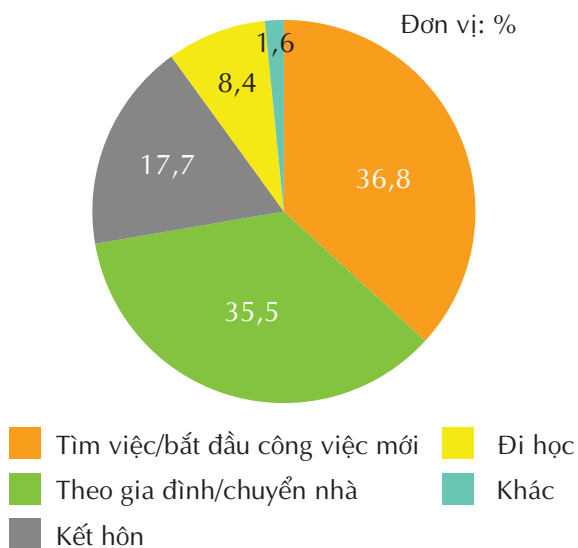
5 Trẻ em di cư thiệt thòi hơn trẻ em không di cư trong việc tiếp cận giáo dục cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông

Tỷ lệ trẻ di cư từ 11-18 tuổi đang đi học năm 2019 cao hơn so với năm 2009 ở tất cả các loại hình di cư cho thấy có những tiến bộ trong việc tiếp cận giáo dục của nhóm trẻ này. Tỷ lệ trẻ từ 11-18 tuổi đang đi học của nhóm di cư (ở tất cả các loại hình di cư) năm 2019 đều thấp hơn so với nhóm không di cư. Trong khi có tới 83,9% trẻ không di cư từ 11-18 tuổi hiện đang đi học, chỉ có 55,7% người di cư giữa các tỉnh trong nhóm tuổi này đang đi học.

Hình 3: Tỷ lệ trẻ di cư và không di cư từ 11-18 tuổi đang đi học, 2009-2019



Hình 4: Lý do di cư



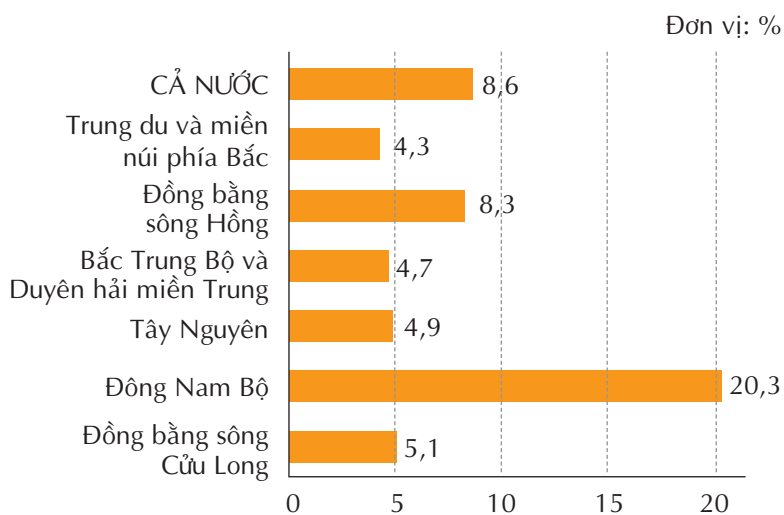
6 Việc làm hoặc theo gia đình/ chuyển nhà là những lý do di cư chính

Việc làm (tìm việc/bắt đầu công việc mới) hoặc theo gia đình/chuyển nhà là những lý do di cư chính với tỷ lệ người di cư vì các lý do này lần lượt là 36,8% và 35,5%. Đông Nam Bộ là vùng thu hút người di cư đến vì lý do liên quan đến việc làm cao nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội (50,3%) cho thấy cơ hội việc làm ở vùng này vẫn tạo nên sức hút lớn đối với người di cư.

7 Người di cư chiếm 8,6% lực lượng lao động cả nước

Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ lực lượng lao động là người di cư cao nhất cả nước (20,3%), thấp nhất là Trung du và miền núi phía Bắc (4,3%). Mặc dù tỷ trọng nam giới trong lực lượng lao động ở nước ta cao hơn so với nữ giới (52,7% so với 47,3%) nhưng tỷ trọng nữ giới trong lực lượng lao động di cư lại cao hơn nam giới di cư (53,4% so với 46,6%).

Hình 5: Tỷ lệ lực lượng lao động là người di cư theo vùng kinh tế - xã hội



8 Gần một nửa người di cư phải đi thuê/mượn nhà để ở

Với luồng di cư ra thành thị chiếm đa số, nhìn chung điều kiện về nhà ở của người di cư tốt hơn người không di cư. Tỷ lệ người di cư sống trong nhà thiếu kiên cố hoặc đơn sơ chỉ là 2,8%, trong khi tỷ lệ này ở người không di cư vẫn còn ở mức 7,3%. Tuy nhiên, diện tích nhà ở bình quân đầu người của người di cư lại thấp hơn của người không di cư (tương ứng là 21,9m²/người và 25,4m²/người). Đặc biệt, vẫn còn gần một nửa người di cư phải đi thuê/mượn nhà để ở và chủ yếu là thuê/mượn của tư nhân.

9 Cả nước có 39,4 triệu người sống ở các khu vực đô thị, chiếm 40,9% dân số cả nước



Có mối quan hệ chặt chẽ giữa di cư và đô thị hóa. Yếu tố di cư đóng góp vào dân số đô thị 4,9 triệu người (chỉ tính số người nhập cư), tương đương 12,3% dân số đô thị. Các yếu tố liên quan đến hành chính đóng góp vào dân số đô thị 10,4 triệu người, tương đương 26,4% dân số đô thị.

10 Áp lực nhập cư tại các đô thị là rất lớn

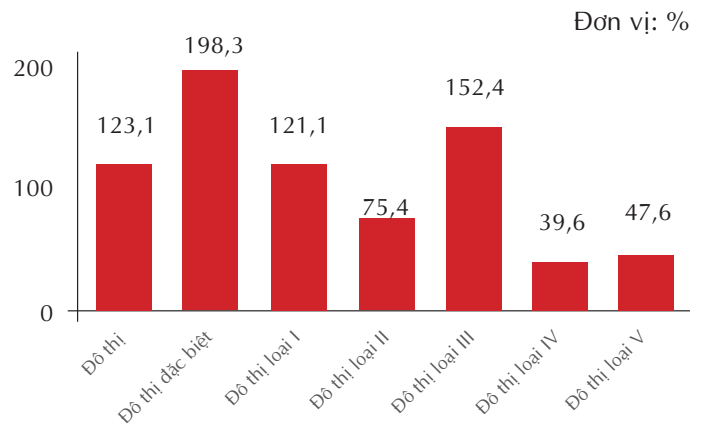
Áp lực nhập cư đối với các đô thị ở nước ta là rất lớn, lớn nhất là tại các đô thị đặc biệt. Cứ 1000 người dân sống tại các đô thị đặc biệt thì có tới gần 200 người là người nhập cư, cao gấp 2,7 lần mức chung của cả nước và 5,3 lần khu vực nông thôn.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

- 1 Các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng, địa phương cần tính tới dân số di cư trong mối quan hệ với đô thị hóa để thúc đẩy sự đóng góp tốt nhất của dân số di cư cho sự phát triển cả nơi xuất cư và các điểm đến cũng như đảm bảo lợi ích của người di cư và gia đình họ. Việc phân bổ ngân sách cho các địa phương cần gắn với số lượng dân cư thực tế sinh sống tại địa phương, bao gồm cả những người cư trú tạm thời.
- 2 Tăng cường cung cấp tư vấn và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản và kỹ năng sống phù hợp cho nhóm dân số di cư trẻ tuổi đồng đảo ở các vùng nhập cư, đặc biệt nữ giới trong độ tuổi sinh sản.
- 3 Các chính sách an sinh xã hội cũng cần tính đến các yếu tố di cư, và hỗ trợ người di cư tiếp cận được với các hình thức nhà ở xã hội, tạo điều kiện để trẻ em di cư có cơ hội tiếp cận đến giáo dục, đặc biệt tới giáo dục cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, góp phần ổn định cuộc sống của người di cư. Ưu tiên hỗ trợ nữ giới trong việc tạo cơ hội việc làm và đào tạo nghề để giảm dần tỷ lệ thất nghiệp của nữ giới và tăng tỷ lệ lao động nữ làm các công việc có kỹ năng.
- 4 Ngoài việc đầu tư cho các đô thị lớn để ứng phó với sức ép di cư tới phát triển hạ tầng đô thị và các dịch vụ xã hội, cần có chính sách đầu tư thích hợp cho các đô thị nhỏ và khu vực nông thôn nhằm tạo thế phát triển cân bằng, giảm áp lực cho các đô thị lớn trong vấn đề giải quyết việc làm và an sinh xã hội.
- 5 Cần tiếp tục tiến hành các cuộc điều tra chuyên đề về di cư nhằm thu thập đầy đủ thông tin về các nhóm dân số di cư, bao gồm di cư ngắn hạn nhằm phục vụ công tác hoạch định và xây dựng chính sách đối với nhóm dân số này.

Ghi chú: Tổng điều tra năm 2019 nói riêng chỉ thu thập thông tin về nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm và đối chiếu với nơi thực tế thường trú hiện tại để xác định các trường hợp di cư trong vòng 5 năm kể từ thời điểm điều tra, không thu thập thông tin về các nhóm di cư ngắn hạn khác.

Hình 6: Tỷ suất nhập cư theo phân loại đô thị



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Website: www.gso.gov.vn



QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC

304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Website: www.vietnam.unfpa.org